

Số: 01/CK-THCS

Đắk Wil, ngày 05 tháng 10 năm 2024

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO
DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN
NĂM HỌC 2024-2025**

- Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
 - Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
 - Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1555/SGDĐT-GDTrHQLCL ngày 15 tháng 8 năm 2024;
 - Thực hiện Công văn số 219/HD-PGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2024 V/v Hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;
- Trường THCS Cao Bá Quát **công khai** trong trường học đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Cao Bá Quát, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thôn Trung Tâm, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút, huyện Cư Jút. Thư điện tử:

Caobaquat.xo@gmail.com

Trang web: <http://c2caobaquat.pgdcujut.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Cao Bá

Quát, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu: Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân có ích cho tương lai.

Chất lượng hai mặt giáo dục :

a) Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Tổng số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
712	646	90,7	64	9	02	0,3	0	0

b) Chỉ tiêu về kết quả học tập

Tổng số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
712	82	11,5	295	36,4	351	20	0	0

- Tỷ lệ chuyển lớp đạt 98 %; chuyển cấp đạt 100%.
- Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 100%.
- Vào lớp 10 THPT: 85%.
- **Chất lượng giáo dục học sinh giỏi:**

TT	Giải	Văn hóa	Qua mạng	KHKT, ST TTNĐ	Tổng
1	Cấp huyện	18	60	02	80
2	Cấp tỉnh	06	30	02	38
3	Cấp quốc gia	0	20	0	20

- Học sinh có kỹ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hoá, tự nguyện tích cực, tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Cao Bá Quát là tiền thân của trường THCS Đăk Wil được thành lập ngày 16 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định số 1783/QĐ-UB của UBND huyện Cư Jút. Khi mới thành lập trường chỉ có 6 lớp với 215 học sinh. Tổng số CB, GV, NV là 13 người. Sau hơn 20 năm phát triển đến năm học 2024 – 2025 này trường có 712 học sinh được chia thành 19 lớp. Tổng số CBQL, GV, NV là 45 người. Hệ thống các phòng học được xây dựng khá kiên cố đảm bảo đủ cho học sinh học 2 ca. Đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ về số lượng và 100% tốt nghiệp Đại học; BGH 02 đ/c có trình độ trên ĐH (Thạc sĩ QLGD). Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao luôn giữ vị trí Top 3 khối THCS. Có nhiều năm được tặng danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc (Lá cờ đầu).

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Nguyễn Hữu Sơn, chức vụ Hiệu trưởng. Số điện thoại: 094 342 92 89. Email: songuyenhuu781@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 1783/QĐ-UB ngày 16/7/2003 của UBND huyện Cư Jút, V/v thành lập Trường Trung học cơ sở Đắk Wil;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 409/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND huyện Cư Jút.

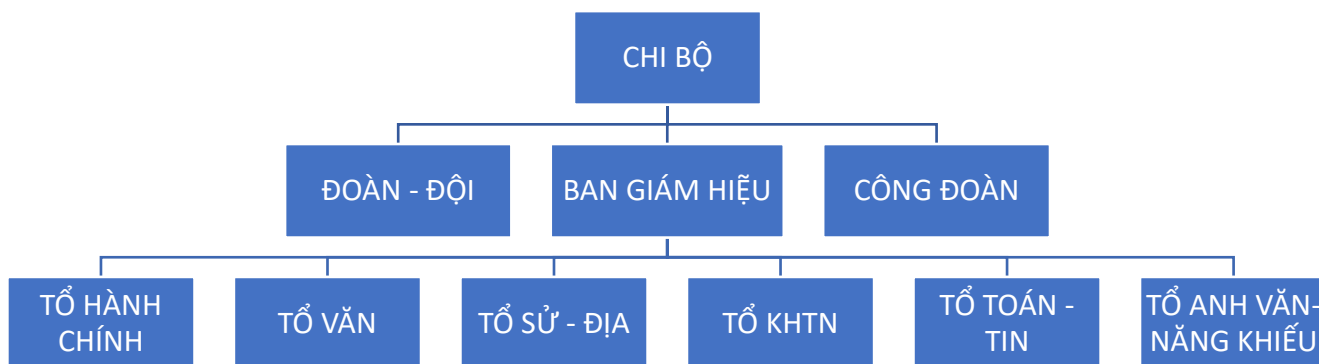
c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 2168/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút. Đối với ông Nguyễn Hữu Sơn.

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 4194/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút. Đối với ông Bùi Tôn Sơn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2024 : 10.681.600.000đồng; trong đó chi nguồn không thường xuyên :307.600.000đ

2. Các khoản thu theo nghị quyết 06/2021/NQ-HDND tỉnh Đắk Nông ngày 20/8/2021

- Nước uống học sinh, vận chuyển , mua ly giá để bình: **72.000đ/hs/năm**
- Sở liên lạc điện tử: **50.000đ/hs/năm** : trả cho nhà mạng VNPT

- Thuê người dọn vệ sinh, mua giấy vệ sinh, dụng cụ dọn nhà VS : 72.000đ/hs/năm

3. Quỹ Đội Thực hiện công văn hướng dẫn liên ngành số 19/HD-LN ngày 25/9/2018.

- Mức thu: **45.000** đồng/năm học/ học sinh

4. Tiền học phí

- Thực hiện Nghị Quyết Số: 04/2024/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2024; Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2024 - 2025
- *Mức thu 315.000đ/1hs/1 năm học cận nghèo thu 50%(thôn đặc biệt khó khăn, hộ nghèo miễn)*

5. Kinh phí hoạt động của ban đại diện hội cha mẹ học sinh trường

- Thực hiện theo quy định của thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Là **10.000đ/1hs/1 năm**

6. Bào hiểm y tế học sinh: *Mức 63180đ/1hs/1tháng đối với học sinh là dân tộc kinh; mức 31.590đ/1hs/1tháng đối với học sinh là dân tộc thiểu số khác*

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 02;

Giáo viên: 38

Nhân viên: 05.

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán học	6	1	5	5	0	0	5	0	0
2	Ngữ văn	8	3	7	7	0	0	7	0	0
3	Tiếng Anh	3	2	0	3	0	0	3	0	0
4	Vật lý	2	0	2	2	0	0	2	0	0
5	Hóa học	3	1	2	3	0	0	3	0	0
6	Sinh học	2	2	1	2	0	0	2	0	0

7	Lịch sử	4	4	1	4	0	0	4	0	0
8	Địa lý	3	1	3	3	0	0	3	0	0
9	GDCD	1	0	1	1	0	0	1	0	0
10	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thể dục	2	0	2	2	0	0	2	0	0
12	Âm nhạc	2	1	1	2	0	0	2	0	0
13	Mỹ thuật	1	1	0	1	0	0	1	0	0
14	Tin học	1	0	1	1	0	0	1	0	0

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	1		1	1		1			
3	Kế toán	1	0	1	1			1		
4	Văn thư	1	1	0	1					1
5	Thủ quỹ	0								
6	Thư viện	1	1	0	1				1	
7	TB-PTH	0								
8	Y tế	1	1	1	1				1	
9	Bảo vệ	1				1			1	
10	Phục vụ	0								

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;

- Giáo viên 38, đạt chuẩn 100%; giáo viên 0 chưa đạt chuẩn 0%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 02, đạt bồi dưỡng 100%;

- Giáo viên 38, đạt bồi dưỡng 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường 1244m²,

Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 1,7m²; Đạt yêu cầu

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	14	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng đồ dùng	1	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	0	
6	Phòng học bộ môn Lý	0	
7	Phòng học bộ môn Hóa – Sinh	0	
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	0	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	
10	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	
11	Phòng Ban giám hiệu	2	
12	Phòng Hội trường	1	
13	Phòng Y tế	1	
14	Phòng Đoàn đội	0	
15	Phòng bộ môn KHTN	0	
16	Phòng bộ môn KHXH		
17	Phòng Công đoàn		
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	0	
20	Sân thể thao	0	
21	Tổng diện tích đất	1237m ²	
22	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
23	Số máy vi tính	20	
24	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	4	
25	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	20	
26	Camera	03	
27	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	50%	

28	Sách giá khoa 6,7,8,9/khối	100%	
29	Sách tham khảo	Đủ dùng	
30	Internet	VNPT	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 20 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 20

chiếc Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với các bộ sách Kết nối tri thức; Cánh diều và Chân trời sáng tạo (được lựa chọn theo các tổ bộ môn). (Có danh mục kèm theo).

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	X		
Tiêu chí 1.2		x	X	v	
Tiêu chí 1.3				X	
Tiêu chí 1.4		x	X		
Tiêu chí 1.5		X	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x		
Tiêu chí 1.7		x	X	v	
Tiêu chí 1.8		x	X	v	
Tiêu chí 1.9		X	x	v	
Tiêu chí 1.10		X	x	v	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	X	
Tiêu chí 2.2		x	X	x	
Tiêu chí 2.3		x	X		
Tiêu chí 2.4		X	x		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x		
Tiêu chí 3.2		x	x		
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	X	v	
Tiêu chí 3.5		X	x		

Tiêu chí 3.6		x	x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x		
Tiêu chí 4.2		x	x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x		
Tiêu chí 5.2		x	x		
Tiêu chí 5.3		x	x	v	
Tiêu chí 5.4		x	x	v	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x		

Kết quả: Đạt Mức 2

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	X		
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4	X		
Tiêu chí 5	X		
Tiêu chí 6	X		

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt mức 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia **Mức độ: 1**

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)
- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)
- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- **Chỉ tiêu tuyển sinh:** 184 học sinh (05 lớp)
- **Hồ sơ tuyển sinh**
- Đơn xin học (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);

- 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học (Giấy chứng nhận hoàn thành tiểu học).

- Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển;
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 01/KH-THCSCBQ ngày 10/9/2024 của trường THCS Cao Bá Quát, đăng tải trên website: thescaobaquat.edu.vn

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.
- Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.
- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Thứ Hai hàng tuần	Tổng phụ trách – Hiệu trưởng, PHT – GVCN các lớp và GVBM (tùy vào thời điểm)
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	BCH Công đoàn
3	Chuyên đề Đội	Tháng 11	TPT
4	KHKT, STTTNNĐ	Tháng 11.12	Bùi Tôn Sơn Các tổ CM
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
6	Giới tính học đường	Tháng 3	Nguyễn Phạm Ái Linh Huỳnh Quốc Tú
7	Chuyên đề ma túy học học đường, phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	Huỳnh Quốc Tú

8	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 11,12	Bùi Tôn Sơn Huỳnh Quốc Tú
---	---------------------------	-------------	------------------------------

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có). **(không)**

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh :185 em trúng tuyển đạt tỉ lệ 100%. Được chia thành 5 lớp.
- Tỉ lệ bình quân học sinh 37 em/lớp.

Bảng tổng hợp:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngà y	Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Số HS thiếu số	Nữ DT
	Số lớp	Số học sinh							
		Tổng số	Nữ						
6	5	185	86	0	0	0	0	104	46
7	5	205	94	0	0	1	2	100	49
8	5	174	90	0	0	1	1	105	51
9	4	148	72	0	0	0	1	75	41
Tổng	19	712	342	0	0	2	4	384	187

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm và rèn luyện năm học 2023 – 2024

Đánh giá	Khối	SL	Tốt (Giỏi)		Khá		Tb (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
HK (rèn luyện)	Khối 6	208	198	95,19%	10	4,81%	0	0,00%	0	0,00%
	Khối 7	177	154	87,01%	21	11,86%	1	0,56%	0	0,00%
	Khối 8	151	128	84,77%	17	11,26%	6	3,97%	0	0,0%
	Khối 9	129	115	89,15%	11	8,53%	3	2,33%	0	0,0%
	Toàn trường	665	595	89,5%	59	8,9%	10	1,6%	0	0,00%

Học tập (GD)	Khối 6	208	26	12,50%	84	40,38%	97	46,63%	1	0,48%
	Khối 7	177	18	10,17%	55	31,07%	101	57,06%	2	1,13%
	Khối 8	151	9	5,96%	64	42,38%	78	51,66%	0	0,00%
	Khối 9	129	20	15,50%	66	51,16%	43	33,33%	0	0,00%
	Toàn trường	665	73	11,15%	269	40,45%	319	48%	3	0,4%

Chuyên cần: 97 %

Duy trì sĩ số: 99,7 %

Tỷ lệ lên lớp thẳng: 99,6 % (Tính kiểm tra lại sau hè tỉ lệ lên lớp đạt 99,7%); Lưu ban 02 HS (chiếm 0,3%);

Tỷ lệ đậu tốt nghiệp THCS 100 %;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt **129/129/ tỉ lệ 100%**.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025 là 114 học sinh đạt 83%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). (không thực hiện).

Trường THCS Cao Bá Quát **công khai** trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Cư Jút (b/c);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

CHỖ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Sơn

